

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26- 4 - 2018
V/v “tranh chấp về nuôi con,
của nam, nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không
đăng ký kết hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Phạm Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha;

Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1996; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Hiếu N, sinh năm 1996; cư trú tại: Nhà không số, đường M, khóm 4, phường 4, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Nguyễn Mỹ L trình bày:

Chị và anh N sống chung với nhau vào năm 2014 (dương lịch), có cưới gả theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc, chị và anh N đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Lê Hiếu N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trọng Ng, sinh ngày 23/6/2014 và Nguyễn Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2015. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi cả hai cháu Nguyễn Lê Trọng Ng và Nguyễn Tuyết N, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai không có.

Về nợ chung: Chị L khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Anh Lê Hiếu N trình bày: Anh xác định về thời gian chung sống, cũng như việc anh và chị L không đăng ký kết hôn như lời chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nhau nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Anh và chị L đã sống ly thân khoảng 03 năm nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Trọng Ng, sinh ngày 23/6/2014 riêng đối với cháu Nguyễn Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2015 anh N cho rằng chưa xác định được. Nên khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Tuyết N cho chị L nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Lê Trọng N, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N khai không có.

Về nợ chung: Anh khai anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Mỹ L đối với anh Lê Hiếu N thuộc lĩnh vực về hôn nhân và gia đình; anh N là bị đơn nơi cư trú tại thành phố CM, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc xin ly hôn được quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Mỹ L và anh Lê Hiếu N chung sống với nhau vào năm 2014, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo luật định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay chị L yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị đã ly thân hơn 03 năm nay. Hiện cả chị L và N không còn tình cảm với nhau nên nay chị L xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn. Nhận thấy cuộc sống chung giữa chị L và anh N mâu thuẫn trầm trọng, về mục đích hôn nhân không đạt, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không công nhận chị Nguyễn Mỹ L và anh Lê Hiếu N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L xác định là giữa chị và anh N có hai con chung tên Nguyễn Lê Trọng Ng, sinh ngày 23/6/2014 và Nguyễn Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2015. Hiện hai cháu đang sống cùng với chị L. Mặc dù, anh N cho rằng bé

Nguyễn Lê Trọng Ng là con chung, còn bé Nguyễn Tuyết Nh là anh chưa xác định. Nhưng hiện nay cả anh N và chị L đều không yêu cầu Tòa án về việc xác định cha cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi ly hôn, chị L yêu cầu nuôi hai con, anh N yêu cầu nuôi bé Ng, và thống nhất giao bé Nh cho chị L nuôi dưỡng. Xét thấy, chị L và anh N đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Ng, nhưng hiện nay cháu Ng còn nhỏ, nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, hơn nữa từ nhỏ cháu đã sinh sống ổn định cùng với em gái và mẹ, trong khi anh N suốt hơn 03 năm ly thân cùng chị L thì chỉ đến thăm cháu Ng đôi ba lần, bản thân anh N cũng thừa nhận, việc anh không thường xuyên quan tâm chăm sóc cháu, nên tình cảm gắn kết, gần gũi giữa cha và con là không có. Do đó, để tránh xáo trộn về cuộc sống và tâm lý của cháu Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Ng của chị L. Anh N không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không trực tiếp nuôi con nhưng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con tròn 18 tuổi, mặc dù chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa anh N xác định nếu giao cháu Ng cho chị L nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Xét thấy, việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Nhân phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con anh chị thỏa thuận thống nhất tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị L, và anh N khai không có.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh N khai không có nợ ai và không ai nợ lại.

7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: 300.000đ chị L phải nộp. Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ anh N phải nộp đúng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Mỹ L với anh Lê Hiếu N là vợ chồng.

Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Lê Trọng Ng, sinh ngày 23/6/2014 và Nguyễn Tuyết Nh, sinh ngày 07/9/2015, hiện hai cháu đang sống cùng

với chị L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng mỗi tháng là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Ng tròn 18 tuổi, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Hiếu N không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị khai không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000 đồng, chị L phải nộp. Ngày 22/3/2018 chị L đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0000516 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố CM được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh Lê Hiếu N phải nộp (chưa nộp).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Tòa án Tp Cà Mau.

Phạm Kim Cương

